



2/4/21

**DAILY** MORNING

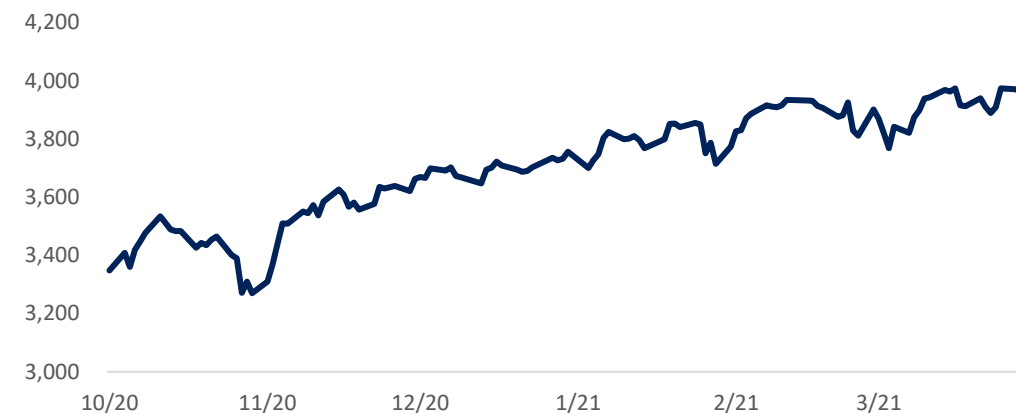
VN-Index vượt đỉnh 1,200 điểm



|                | 2/4      | % Sáng 2/4 | 1/4      | % Ngày 1/4 | % Tuần | % Tháng |
|----------------|----------|------------|----------|------------|--------|---------|
| VN INDEX       |          |            | 1,216.10 | 2.07%      | 4.56%  | 2.49%   |
| S&P 500        |          |            | 4,019.87 | 1.18%      | 2.82%  | 3.86%   |
| S&P500 Futures | 4,016.00 | 0.15%      | 4,009.90 | 1.07%      | 1.29%  | 5.50%   |
| Shanghai       |          |            | 3,466.33 | 0.71%      | 3.05%  | -1.20%  |
| Euro Stoxx     |          |            | 3,945.96 | 0.68%      | 2.96%  | 6.43%   |

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | PTKT                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Theo ISM, PMI sản xuất của Mỹ đạt 64.7 điểm trong tháng 3, sau khi đạt 60.8 điểm trong tháng 2, cao nhất kể từ 12/1983</li> <li>Đơn xin trợ cấp lần đầu tại Mỹ tăng lên 719 nghìn trong tuần kết thúc hôm 27/3, từ mức 658 nghìn trong tuần liền trước.</li> <li>Theo IHS, PMI sản xuất tại Trung Quốc giảm xuống 50.6 điểm trong tháng 3, sau khi đạt 50.9 điểm trong tháng 2</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Kháng cự 4000       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hỗ trợ 3500         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hỗ trợ 3450         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

S&P 500 6 tháng gần nhất



Nguồn: Bloomberg, BSC

Shanghai Composite Index 6 tháng gần nhất

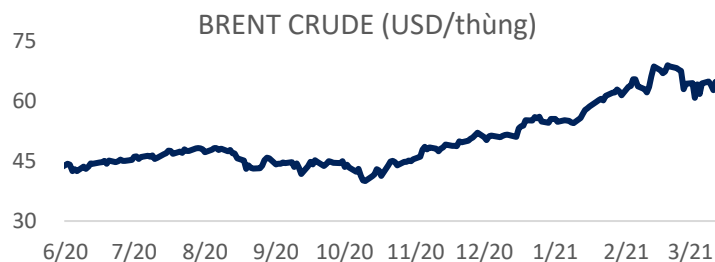


Nguồn: Bloomberg, BSC

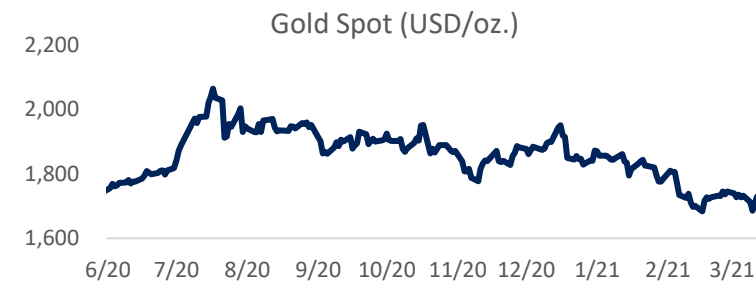
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 2/4      | % Sáng 2/4 | 1/4     | % 1/4  | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 61.45    | 3.87%      | 61.45   | 3.87%  | 4.94%  | 3.16%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 64.86    | 3.38%      | 64.86   | 3.38%  | 4.95%  | 4.31%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 202.23   | 3.19%      | 195.97  | -1.84% | 5.35%  | 0.05    | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,729.24 | 0.00%      | 1729.31 | 1.26%  | -0.19% | 1.05%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 24.98    | 0.05%      | 24.97   | 2.27%  | -0.31% | -4.26%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,402.00 | -2.42%     | 1436.75 | 0.00%  | -0.87% | -0.74%  | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  | 611.00   | -1.13%     | 618.00  | 0.00%  | -0.24% | -8.29%  | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt  |          |            | 18.45   | 1.21%  | 6.52%  | 2.56%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg   | 247.70   | 1.52%      | 244.00  | 1.71%  | 0.24%  | -5.10%  | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |            | 14.71   | -0.41% | -2.52% | -10.47% | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |            | 121.60  | -1.54% | -3.95% | -9.15%  | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |            | 8790.00 | 0.05%  | 0.12%  | -4.15%  | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 5,042.00 | 1.39%      | 4973.00 | 0.34%  | 4.02%  | 4.09%   | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |            | 2225.50 | 0.61%  | -0.91% | 0.63%   | 0                  | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 964.00   | 0.21%      | 962.00  | 1.37%  | 5.82%  | -5.72%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |            | 91.90   | 1.60%  | 0.27%  | 9.60%   | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- OPEC+ giảm hạn chế cung dầu 350,000 thùng/ngày vào tháng 5, thêm 350,000 thùng/ngày vào tháng 6, và thêm 400,000 thùng vào tháng 7. Lượng cung hạn chế giảm còn 6.5 triệu thùng/ngày trong tháng 5, 7 triệu thùng/ngày trong tháng 4



Nguồn: Bloomberg, BSC

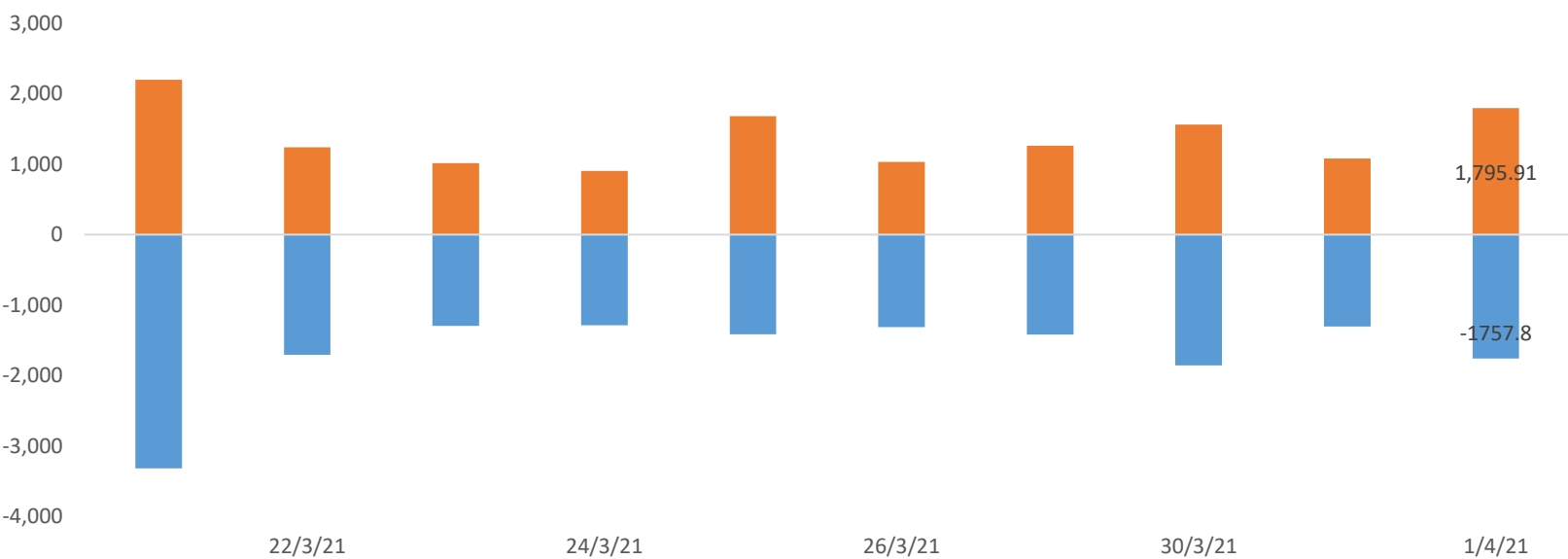


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF FTSE và Diamond tăng quy mô lần lượt phiên thứ 3 và 36

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |       |       | Nhận định                                           |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|-------|-------|-------|-----------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W    | 1M    | 3M    |                                                     |
| VNM       | 482.1            | 17.9            | 0                  | 1.2%  |                           | 0.0   | 0.0   | 0.0   | 15.1                                                |
| FTSE      | 406.4            | 37.5            | 0                  | 1.4%  |                           | 0.0   | 7.0   | 6.2   | 22.8                                                |
| iShare    | 430.2            | 29.7            | 0                  | -0.6% |                           | 0.0   | -1.5  | -1.5  | -1.5                                                |
| E1VFN30   | 345.0            | 0.9             | -0.9               | 0.1%  | -0.8                      | 7.1   | -35.2 | -18.9 |                                                     |
| FUEVFN30  | 434.5            | 0.9             | 0.2                | -0.4% | 0.2                       | 5.9   | 38.1  | 166.7 | Khối ngoại mua ròng ở hầu hết các nước trong khu    |
| FUESSVFL  | 85.0             | 0.7             | 0.0                | 0.6%  | 0.0                       | -0.2  | 0.8   | 29.4  | vực, ngoại trừ thị trường Indonesia, Philippines và |
| FUESSVN30 | 3.4              | 0.6             | 0.0                | 0.7%  | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.2   | Sri Lanka.                                          |
| FUEMAVN30 | 19.8             | 0.6             | 0.0                | -0.8% | 0.0                       | 1.2   | 2.5   | 10.7  |                                                     |
| VN100     | 3.3              | 0.7             | 0.0                | 5.5%  | 0.0                       | 0.0   | -0.7  | -0.6  |                                                     |
| KIM       | 163.0            | 15.2            | 0.0                | -0.5% | 0.0                       | -12.0 | -12.1 | -64.2 |                                                     |
| PREMIA    | 27.1             | 11.5            | 0                  | 0.1%  | 0.0                       | 0.0   | -1.6  | 0.5   |                                                     |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | 1.28   | -29.92                | 1.28                   |
| ASEAN4*                                               | 24.46  | 236.52                | -639.67                |
| Ấn Độ                                                 | 54.55  | -530.59               | 2627.37                |
| Đài Loan                                              | 555.63 | 789.38                | 555.63                 |
| Hàn Quốc                                              | 630.79 | 666.89                | 630.79                 |
| Nhật Bản                                              |        | (726.93)              | -1990.90               |
| Trung Quốc                                            |        |                       | 60865.07               |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | -1.90                 |                        |
| Thái Lan                                              |        | 5.89                  |                        |
| Singapore                                             |        | -1.90                 |                        |
| Philippines                                           |        | 2.24                  |                        |
| Malaysia                                              |        | 2.68                  |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- 811,200 liều vaccine phòng Covid-19 của COVAX Facility về đến Hà Nội. Lô vaccine trên dự kiến được giao ngày 25/3, nhưng phải trì hoãn bởi thiếu nguồn cung.
- Theo đại diện NHNN, đến ngày 15/3, dư nợ cho vay bất động sản của ngành ngân hàng tăng 2.13%, tăng nhanh hơn so với tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế nói chung.
- Fitch Ratings nâng triển vọng tín nhiệm của Việt Nam từ “ổn định” lên “tích cực”, đồng thời giữ nguyên bậc xếp hạng nhà phát hành tiền gửi ngoại tệ dài hạn ở mức “BB”.
- Đại diện thương mại Mỹ điện đàm với Bộ trưởng Công Thương Việt Nam về điều hành tiền tệ, khai thác gỗ trái phép, thương mại điện tử, và nông nghiệp.

## Thông số kỹ thuật

|          |          |
|----------|----------|
| Xu hướng | Tăng     |
| Chỉ báo  | Khả quan |
| Kháng cự | 1220     |
| Hỗ trợ   | 1200     |



Nguồn: FireAnt, BSC

- FPT: Dự kiến phát hành cổ phiếu cho các bộ lãnh đạo cao cấp 1.290.300 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0,165% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Số cổ phiếu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 10 năm và thời gian nhận tiền mua từ 31/3-14/4/2021.
- VIB: Đã thông qua phương án phát cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 40% để thực hiện tăng vốn từ hơn 11.093 tỷ đồng lên hơn 15.531 tỷ đồng. Chi tiết sẽ được thông báo sau.
- TDH: Ngày 30/3, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định đưa cổ phiếu vào diện cảnh báo kể từ ngày 06/4/2021. Nguyên nhân do, thông tin về việc truy thu thuế ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của TDH.
- PVD: Đã thông qua việc tiếp tục gia hạn thời gian trả cổ tức năm 2019, dự kiến thực hiện trong năm 2021.
- HSG: Thông báo, đã bán xong hơn 327.000 cổ phiếu quỹ đăng ký bán từ ngày 25/3 đến 29/3 theo phương thức khớp lệnh, với giá bán bình quân 27.489 đồng/cổ phiếu.
- SSI: Đã thông qua phương án phát hành 9,5 triệu cổ phiếu ESOP, chia làm 02 đợt. Trong đó, phát hành mới 7,5 triệu cổ phiếu và còn lại là 2 triệu cổ phiếu quỹ. Giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong năm 2021.
- HOT: Ngày 30/3, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định đưa cổ phiếu HOT vào diện cảnh báo kể từ ngày 06/4/2021. Nguyên nhân do, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của HOT trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2020 ghi nhận âm hơn 25 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 là âm hơn 24,3 tỷ đồng.
- DAG: Thông báo, ngày 15/4/2021 sẽ chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng), theo tỷ lệ 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới).
- HHS: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã thông qua phương án chuyển giao dịch tạm thời từ HOSE sang HNX. Đồng thời, cổ đông cũng thông qua việc cho phép CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) mua tối đa 20 triệu cổ phiếu HHS để nâng tỷ lệ sở hữu từ 45,7% lên gần 53% mà không phải chào mua công khai.
- BVS: Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2021 với chỉ tiêu tổng doanh thu 661 tỷ đồng, lợi sau thuế 133 tỷ đồng. Kế hoạch trên dựa trên điều kiện VN-Index dao động quanh 1.150-1.200 tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường 12.000 tỷ đồng/phiên.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div> <div>CTG</div> <div>41.05</div> <div>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</div> </div> <div> <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Tăng giá</div> <div>Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Tích cực</div> </div> <div> <div>Kháng cự 42</div> <div>Hỗ trợ 39</div> <div>MACD ↑</div> <div>RSI ↑</div> <div>Moving Avg ↑</div> <div>Giá mục tiêu 49.5</div> <div>Upside 21%</div> </div>                                                                                                                                                                                                    | <div> <div>HVN</div> <div>33.8</div> <div>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</div> </div> <div> <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Tăng giá</div> <div>Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Tích cực</div> </div> <div> <div>Kháng cự 34</div> <div>Hỗ trợ 32</div> <div>MACD ↑</div> <div>RSI ↑</div> <div>Moving Avg ↑</div> <div>Giá mục tiêu 40</div> <div>Upside 21%</div> </div>                                                                                                                                                                                                                       |
| <div>Dự báo KQKD</div> <div>Dự báo KQKD 2021. BSC dự báo CTG sẽ ghi nhận TOI = 49,087 tỷ VND (+8.4% yoy) và PBT = 20,770 tỷ VND (+21.7% yoy), BVPS 2021 = 27,425 VND/cp</div> <div>Cập nhật KQKD</div> <div>LN của CTG tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2020 với mức tăng 44.9% yoy, thuộc mức tăng trưởng cao nhất trong hệ thống ngân hàng.</div> <div>Chất lượng tài sản được cải thiện, và CTG đã xóa hết nợ VAMC trong năm 2020.</div> <div>Nợ tái cơ cấu ở mức ~6,500 tỷ VND (trong đó 5,000 tỷ gốc và 1,500 tỷ lãi), và dự kiến sẽ trích dự phòng một phần theo TT01 sửa đổi.</div> | <div>Cập nhật KQKD</div> <div>DTT2020 đạt 40,612 tỷ VND - 58.7% YoY vì:</div> <div>(1) Dịch bệnh COVID diễn biến phức tạp làm giảm nhu cầu vận tải HK cả quốc tế và nội địa, (2) Các đường bay quốc tế bị đóng cửa, (3) Các hãng HK giảm giá vé nội địa để kích cầu.</div> <div>Số chuyển bay đạt 96,500 -48% YoY.</div> <div>Sản lượng hành khách đạt 14.23 triệu -51% YoY.</div> <div>Sản lượng hàng hóa đạt 194,458 tấn -48% YoY.</div> <div>Cập nhật khác:</div> <div>HVN thông qua kế hoạch phát hành 8,000 tỷ VND cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, dự kiến thực hiện vào nửa đầu năm 2021.</div> |

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*